

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 (giải quyết tiếp ngày 28/5/2024) về việc “Chia di sản thừa kế”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1961; Trú tại: **khu N, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**. Người đại diện theo uỷ quyền của bà **Đào Thị H** là ông **Tạ Gia L**, sinh năm 1958. Địa chỉ: **Số nhà A, tổ F, phố H, phường T, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **H** là bà **Nguyễn Thị Kim L1**, sinh năm 1961. Là luật sư thuộc văn phòng luật sư Phú Thọ & Cộng Sự. địa chỉ: **Số nhà H, tổ A, tổ F, khu A, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.

1.2. Bị đơn: - Bà **Đào Thị C**, sinh năm 1955;

Trú tại: **Khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**.

Đại diện theo uỷ quyền của bà **C** là ông **Đào Văn H1** (Theo giấy uỷ quyền ngày 02/8/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà **C** là Bà **Bùi Thị Thanh N**, trợ giúp viên pháp lý của **trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P**.

- Ông **Đào Văn H1**, sinh năm 1963;

Trú tại: **khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đào Mạnh Cường (con ông Đào Xuân H2), sinh năm 1981. Trú tại: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Đinh Thị N1 (vợ ông Đào Xuân H2). Trú tại: khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ

- Bà Đào Thị H3, sinh ngày 18/8/1964; Trú tại: Khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị H3 là ông Tạ Gia L, sinh năm 1958. Địa chỉ: số nhà A, tổ F, phố H, phường T, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Đào Thị V, sinh năm 1950; Trú tại: Khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Đào Thị H4, sinh năm 1959; Trú tại: Khu G, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Đào San H5, sinh ngày 07/12/1964. Trú tại: Khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Đào Thị H6, sinh năm 1967. Trú tại: khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Bà Đào Thị H4, ông Đào San H5, bà Đào Thị H6, bà Đào Thị V, bà Đinh Thị N1, anh Đào Mạnh Cường ủy quyền cho ông Đào Văn H1 theo giấy ủy quyền ngày 20/8/2024)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống: Cụ Đào Đức V1 (chết ngày 19/12/1999) và cụ Nguyễn Thị M (chết năm 1967) chung sống với nhau khoảng năm 1949; cụ Đào Đức V1 (chết ngày 19/12/1999) và cụ Đặng Thị S (chết năm 2014) chung sống với nhau khoảng năm 1950. Cụ V1, cụ S, cụ M là vợ chồng khi các cụ còn sống.

Cụ V1 và cụ M có 05 người con là ông Đào Xuân H2 (chết năm 1982), bà Đào Thị T (chết năm 2021, không có chồng con), bà Đào Thị C, bà Đào Thị H, bà Đào Thị H3. Ông H2 có vợ là bà Đinh Thị N1 và con đẻ là anh Đào Mạnh Cường.

Cụ V1 và cụ S có 05 người con là bà Đào Thị V, bà Đào Thị H4, ông Đào Văn H1, ông Đào San H5, bà Đào Thị H6.

Khi cụ M, cụ V1, cụ S, ông H2, bà T chết không để lại di chúc. Ngoài những người con trên cụ M, cụ V1, cụ S không có người con đẻ hay con nuôi nào khác và 03 cụ cũng không có nghĩa vụ tài sản nào đối với người thứ ba.

2.2. Về di sản thừa kế: Cụ V1, cụ M, cụ S có di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21-1, số tờ bản đồ 10A, diện tích 2494 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 2194 m² đất vườn), địa chỉ thửa đất: khu B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành O559553 do UBND huyện P cấp năm 1999 mang tên hộ cụ Đào Đức V1. Diện tích đất đo đạc thực tế

là 2494 m² thể hiện tại bản trích đo hiện trạng thửa đất của Công ty cổ phần K có chỉ giới thể hiện là 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,1.

Bà H, ông L, ông H1, bà L1, bà N thống nhất quyền sử dụng đất 2494 m² sẽ tách 164,3 m² đất vườn (theo chỉ giới 1,2,3,29,28,27,26,25,24,1) trị giá 15.148.460đ (Mười lăm triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) làm đường đi chung cho 04 người trong hàng thừa kế gồm ông Đào Văn H1, bà Đào Thị C, bà Đào Thị H, bà Đào Thị H3).

Phần đất còn lại các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Ông Đào Văn H1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất S₁ = 1458,5 m² theo chỉ giới 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,27,28,29,3 (trong đó có 200 m² đất ở và 1258,5 m² đất vườn) trị giá: 176.033.700đ (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

- Bà Đào Thị H được toàn quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất S₂ = 250 m² theo chỉ giới 15,16,26,27,15 (trong đó có 25 m² đất ở và 225 m² đất vườn) trị giá: 28.245.000đ (Hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Đào Thị H3 được toàn quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất S₃ = 250 m² theo chỉ giới 16,17,18,19,25,26,16 (trong đó có 25 m² đất ở và 225 m² đất vườn) trị giá: 28.245.000đ (Hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Đào Thị C được toàn quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất S₄ = 371,2 m² theo chỉ giới 19,20,21,22,23,24,25,19 (trong đó có 50 m² đất ở và 321,2 m² đất vườn) trị giá: 44.614.640đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười bốn nghìn sáu trăm bốn mươi đồng)

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất của công ty cổ phần K kèm theo)

2.3. Đối với toàn bộ tài sản, vật kiến trúc trên đất bao gồm cả di sản của cụ V1, cụ M, cụ S thì Bà H, ông L, ông H1, bà L1, bà N thống nhất thỏa thuận vào phần diện tích đất của ai trong số bà H, bà H3, ông H1, bà C thì người đó có quyền sở hữu, sử dụng.

2.4. Đối với công sức quản lý di sản: Bà H, ông L, ông H1, bà L1, bà N thống nhất bà H, bà H3, ông H1, bà C không ai phải thanh toán phần công sức này.

2.5. Bà H, bà H3, ông H1, bà C không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

2.6. Về chi phí tố tụng: Bà Đào Thị H xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Xác nhận đã nộp.

2.7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị H, bà Đào Thị C, ông Đào Văn H1, bà Đào Thị H3 do bà H, bà C, ông H1, bà H3 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Anh Quang